

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-PT

Ngày 17-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

*Các thẩm phán:* Bà Đỗ Thị Hà

Ông Lưu Toàn Nghĩa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/TLPT - HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo Bùi Văn H; Hà Duy C; Trần Văn H1; Nguyễn Văn H2; Nguyễn Hữu L; Nguyễn Minh Đ; Nguyễn Xuân H3; Nguyễn Ngọc S; Nguyễn Thị C1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo **Bùi Văn H**, sinh năm 1983; tại huyện H4, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ1, xã T, huyện H4, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1958 và bà Tạ Thị H5, sinh năm 1962; Vợ đã ly hôn: Trần Thị Hải V; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng) về hành vi thuê người xâm hại sức khỏe người khác, thi hành xong ngày 25/10/2011; Bản án số 88/2015/HSST ngày 31/3/2015 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 28 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thi hành xong hình

phạt tù ngày 19/9/2016, chấp hành xong án phí ngày 04/8/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 chuyển tạm giam, ngày 15/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp bảo lãnh.

2. Bị cáo **Hà Duy C**, sinh năm 1990; tại thành phố T2, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: phường H6, thành phố T2, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn R, sinh năm 1957 (là thương binh) và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1960; Vợ: Trần Minh T3, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 60/2010/HSST ngày 06/5/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thi hành xong hình phạt ngày 09/01/2011, chấp hành xong án phí ngày 20/8/2014. Quyết định số 119 ngày 22/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đưa C vào cơ sở giáo dục, thời hạn 02 năm, chấp hành xong ngày 01/12/2012. Bản án số 105/2014/HSST ngày 16/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt C 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thi hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2014, chấp hành xong án phí và tiền phạt ngày 20/8/2014.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 chuyển tạm giam, ngày 15/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp bảo lãnh.

3. Bị cáo **Trần Văn H1**, sinh năm 1979; tại: huyện T4, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn M, xã T5, huyện T4, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T6 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1949; Vợ: Hoàng Thị L2, sinh năm 1980; Có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Bị cáo **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1991; tại: huyện Đ2, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn P, xã Đ3, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H8, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H9, sinh năm 1967; Vợ: Phạm Thị M1, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ năm 2009 đến năm 2010 tham gia nghĩa vụ quân sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Bị cáo **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1985; tại: huyện H4, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn G, xã V1, huyện H4, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không xác định được. Con bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1957.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Bị cáo **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1986; tại: huyện H4, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn M2, xã T7, huyện H4, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1956 và bà Lê Thị C2, sinh năm 1956; Vợ: Trần Thị H10, sinh năm 1987; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Bị cáo **Nguyễn Xuân H3**, sinh năm 1977; tại: huyện Đ2, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T8, xã H11, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Đ4 (đã chết) và bà Phạm Thị P1, sinh năm 1932 (được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì); Vợ: Phạm Thị Thu L4, sinh năm 1977; Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Bị cáo **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1974; tại: thành phố H12, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: đường N, phường Q, thành phố H12, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu X, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị X1, sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Thị Bảo C3, sinh năm 1980; Có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 18 ngày 30/5/2001 của Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thi hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2002, chấp hành xong án phí ngày 30/7/2001.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Bị cáo **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1976; tại: huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: thôn G, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hà Đ5, sinh năm 1946 và bà Lê Thị B, sinh năm 1950; Chồng: Phạm Trường T9 (đã chết); Có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

*(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Bá T10, sinh năm 1990, cư trú tại thôn B1, xã L5, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình; bà Nguyễn Thị H13, sinh năm 1967, cư trú tại thôn P, xã Đ3, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình và 17 người làm chứng, nhưng không có liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Do quen biết và thấy trang trại của anh Phạm Văn H14, sinh năm 1986, ở thôn T11, xã P2, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình không chăn nuôi, không có người ở, nên đầu tháng 3/2019 Bùi Văn H đã hỏi mượn trang trại của anh Phạm Văn H14 làm nơi tổ chức đánh bạc nhưng không nói cho anh Phạm Văn H14 biết mục đích đó. Anh Phạm Văn H14 đồng ý cho mượn trang trại. Khi mượn được địa điểm Bùi Văn H gọi điện cho Hà Duy C nói về việc tổ chức đánh bạc và nhờ C xuống xóc cái cho mọi người chơi. C đồng ý.

Ngày 24/3/2019, Bùi Văn H bắt đầu thực hiện việc tổ chức cho mọi người đánh bạc. Bùi Văn H đi mua và chuyển đến trang trại các dụng cụ để phục vụ cho việc đánh bạc gồm thảm, ghế nhựa, dây chằng và 05 tấm bạt nhựa in hình 1x3, 1x10 để ký hiệu chắn lẻ, H gọi điện thoại rủ Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Hữu L đến đánh bạc.

Tối 24/3/2019, C đến, H đưa cho C một chiếc kéo, bát và đĩa sứ màu trắng. C dùng một quân bài tú lơ khơ có sẵn ở đó cắt 4 quân vị.

Sau đó các bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1, Trần Thị Thu H15

đền trang trại tham gia đánh bạc. Bùi Văn H thu của mỗi bị cáo đó từ 200.000 đồng - 500.000 đồng, tổng được 5.000.000 đồng.

Quá trình đánh bạc, C ngồi chính giữa cuối gian nhà nuôi gà, những người chơi ngồi hai bên bằng ghế nhựa, ở giữa được trải thảm màu đỏ và đặt các bảng ký hiệu chắn lẻ. Hình thức đánh bạc là xóc đĩa được thua bằng tiền. Quy ước người bên tay phải C là bên chắn, người bên tay trái C là bên lẻ. C là người cầm cái. C bỏ 04 quân vị vào đĩa rồi úp bát lên và cầm trên hai tay xóc sau đó để đĩa xuống giữa chiếu, những người chơi sẽ đặt tiền ở cửa chắn hoặc cửa lẻ, số tiền đặt cửa cho mỗi ván chơi thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất không giới hạn tùy từng người chơi. Sau khi những người chơi đã đặt cửa thì người cầm cái mở bát, nếu có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu là chắn thì người đặt cửa chắn thắng, nếu có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu là lẻ thì người đặt cửa lẻ thắng. Quá trình đánh bạc có 2 người (chưa xác định được tên tuổi địa chỉ và do ai phân công) thu tiền của những người thua và có trách nhiệm trả tiền cho những người thắng.

Các đối tượng tham gia đánh bạc từ 21 giờ ngày 24/3/2019 đến 23 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Đông Hưng bắt quả tang, quản lý vật chứng, thu giữ trên chiếu bạc 386.000.000 đồng. Trong quá trình Công an huyện Đông Hưng bắt quả tang có nhiều đối tượng bỏ chạy.

Các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng đánh bạc như sau: Bị cáo Trần Văn H1 mang theo 10.000.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván bị thua hết số tiền. Bị cáo Nguyễn Hữu L mang theo 400.000 đồng để đánh bạc bị thua hết, L vay 5.000.000 đồng của một người tên Đ6 ở xã T7, huyện H4, tỉnh Thái Bình chơi nhiều ván bị thua hết. Bị cáo Nguyễn Văn H2 mang theo 5.000.000 đồng để đánh bạc bị thua hết. Bị cáo Nguyễn Minh Đ mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc, Đ chơi 03 ván thì thắng 1 ván, thua 2 ván với số tiền 600.000 đồng, số tiền còn lại khi bị bắt quả tang đã để xuống chiếu bạc. Bị cáo Nguyễn Thị C1 mang theo 1.500.000 đồng, chơi 1 ván sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, thắng được 500.000 đồng sau đó không chơi nữa và đứng xem, số tiền này khi bị bắt quả tang đã để xuống chiếu bạc. Bị cáo Nguyễn Xuân H3 mang theo 700.000 đồng để đánh bạc, chơi 3 ván bị thua hết. Bị cáo Nguyễn Ngọc S mang theo 11.000.000 đồng, chơi 1 ván với số tiền 500.000 đồng bị thua không chơi nữa mà đứng xem, khi bị bắt quả tang số tiền 10.500.000 đồng để xuống chiếu bạc. Bị cáo Trần Thị Thu H9 mang theo 660.000 đồng, chơi 1 ván với số tiền 100.000 đồng bị thua không chơi nữa mà đứng xem, số tiền còn lại khi bị bắt quả tang bị rơi không rõ ở đâu.

**Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình quyết định:**

[1] Về tội danh:

+ Bị cáo: Bùi Văn H và Hà Duy C phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

+ Các bị cáo: Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 và Trần Thị Thu H9 phạm tội “Đánh bạc”.

[2] Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

2.1. Đối với Bùi Văn H và Hà Duy C: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, 17, 58 của Bộ Luật hình sự. Bùi Văn H áp dụng thêm khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bùi Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến ngày 15/5/2019. Phạt bổ sung Bùi Văn H 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Hà Duy C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến ngày 15/5/2019.

2.2. Đối với các bị cáo: Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 và Trần Thị Thu H9: Áp dụng điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50; Khoản 3 Điều 35; Điều 17 và Điều 58 của của Bộ Luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Thị Thu H9 bị áp dụng thêm điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Áp dụng riêng đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Trần Thị C1 và Nguyễn Xuân H3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Trần Văn H1 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019.

- Nguyễn Hữu L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019

- Nguyễn Minh Đ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019.

- Nguyễn Văn H2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019.

- Nguyễn Xuân H3 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019.

- Nguyễn Ngọc S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Nguyễn Thị C1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019.

- Trần Thị Thu H9 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2019.

Phạt bổ sung các bị cáo: Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 và Trần Thị Thu H9 mỗi bị cáo 5.000.000 đ (năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Ngày 17/01/2020 bị cáo Nguyễn Ngọc S kháng cáo; ngày 20/01/2020 bị cáo Nguyễn Hữu L kháng cáo; ngày 21/01/2020 bị cáo Bùi Văn H, bị cáo Hà Duy C, bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo - đều đề nghị giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 14/01/2020 bị cáo Trần Văn H1 kháng cáo đề nghị được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung.

Ngày 10/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị C1 kháng cáo; ngày 16/01/2020 bị cáo Nguyễn Văn H2 kháng cáo - đều đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 14/01/2020 bị cáo Trần Thị Thu H9 kháng cáo, ngày 15/01/2020 bị cáo Nguyễn Xuân H3 kháng cáo - đều đề nghị giảm hình phạt.

Ngày 27/5/2020 bị cáo Trần Thị Thu H9 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H9.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo H đã giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ là Công văn số 184/CV(ĐTTH) ngày 18/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ về việc bị cáo đã cộng tác và cung cấp thông tin quan trọng để Công an huyện Tam Nông phát hiện, bắt giữ đối tượng có quyết định truy nã.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Hà Duy C rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Các bị cáo Bùi Văn H, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 giữ

nguyên yêu cầu kháng cáo và đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hà Duy C.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Đề nghị truy thu của Bùi Văn H số tiền 5.000.000 đồng do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm và gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét việc rút kháng cáo của bị cáo Hà Duy C: Tại phiên tòa bị cáo Hà Duy C rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 342, 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hà Duy C.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là chứng cứ buộc tội lẫn nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản phạm pháp quả tang, Biên bản quản lý vật chứng; Biên bản ghi lời khai những người làm chứng. Vì vậy có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 23 giờ ngày 24/3/2019, tại khu chăn nuôi của gia đình anh Phạm Văn H14, ở thôn T11, xã P2, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình, Cơ quan Công an đã bắt quả tang các bị cáo Bùi Văn H và Hà Duy C đã có hành vi tổ chức cho các bị cáo Trần văn H1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1, Trần Thị Thu H9 đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Tổng số tiền xác định các bị cáo sử dụng đánh bạc là 386.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự,



an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Bùi Văn H và Hà Duy C về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần văn H1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

[4.1] Tội phạm tổ chức đánh bạc mà Bùi Văn H và Hà Duy C thực hiện có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo H là chủ mưu đã chủ động tìm địa điểm, chuẩn bị các dụng cụ dùng vào việc đánh bạc, tìm và phân công vai trò cho người giúp sức, rủ rê bị cáo S, L đến đánh bạc, thu lợi bất chính 5.000.000 đồng. Do đó, H giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo H có nhân thân xấu, năm 2011 bị xử phạt vi phạm hành chính, năm 2015 bị kết án đã được xóa án tích. Bị cáo C tham gia với vai trò giúp sức, được bị cáo H rủ rê và tích cực phạm tội, là người trực tiếp cắt quân vị và xóc cái cho các bị cáo đánh bạc, do đó bị cáo C giữ vai trò thứ hai.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định vai trò đối với bị cáo H và C là đúng pháp luật.

[4.2] Tội phạm đánh bạc mà Trần văn H1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có chung mục đích đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền, nên đã thống nhất ý chí và cùng nhau thực hiện tội phạm đánh bạc, vì vậy đều là những đồng phạm thực hành.

Về vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng để đánh bạc từ 500.000 đồng đến 11.000.000 đồng, tuy nhiên tổng số tiền đánh bạc theo lời khai của các bị cáo không phù hợp với vật chứng là số tiền quản lý trên chiếu bạc 386.000.000 đồng, ngoài lời khai của từng bị cáo không có chứng cứ nào khác chứng minh số tiền từng bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Trong vụ án này, các bị cáo sử dụng hình thức đánh bạc là đánh xóc đĩa, tụ tập nhiều người ở nhiều địa phương đến đánh bạc, đa số đều không quen biết nhau, vì vậy tài liệu điều tra không chứng minh được thời gian từng bị cáo tham gia đánh bạc. Vì vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã quy kết các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 386.000.000 đồng.

Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo H1, H2, L, Đ, H3, C1 có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, trong đó bị cáo H2 có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự. Bị cáo S 01 lần bị kết án năm 2001 đã được xóa án tích.

[4.3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình

sự; Bị cáo H, bị cáo C1 có gia đình đang thờ cúng Liệt sỹ; bị cáo H3 có mẹ đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo H2 có thời gian tham gia quân đội và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, vì vậy các bị cáo đó đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo H có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ là công văn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Nông, Phú Thọ xác nhận về việc bị cáo H đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng đối với bị cáo H. Tuy nhiên, xét thấy tội phạm mà bị cáo H đã thực hiện có quy mô lớn, tập trung nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau, số tiền đánh bạc lớn, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo H là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, vì vậy khi áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này tại cấp phúc thẩm thì mức án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo H mới là phù hợp.

Các bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới làm căn cứ để xem xét giảm hình phạt chính, miễn hình phạt bổ sung, chuyển biện pháp chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4.4] Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật đối với bị cáo Bùi Văn H; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt chính, biện pháp chấp hành hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo có kháng cáo.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy thu số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Bùi Văn H phạm tội mà có để nộp Ngân sách Nhà nước. Xét thấy, bị cáo Bùi Văn H khai nhận số tiền thu được của các bị cáo đến đánh bạc là 5.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo H phải nộp lại để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước là không đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên nội dung này không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nếu Tòa án cấp phúc thẩm quyết định là áp dụng thêm biện pháp tư pháp, không có lợi đối với bị cáo, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ pháp luật để quyết định.

[5] Về án phí: Bị cáo Hà Duy C rút kháng cáo, vì vậy không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ các Điều 342, 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hà Duy C.

[2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Sửa bản án sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình về pháp luật áp dụng đối với bị cáo Bùi Văn H: Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình về hình phạt đối với các bị cáo:

[3.1] Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến ngày 15/5/2019. Phạt bổ sung bị cáo H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

[3.2] Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 03 năm 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo H1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ

từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo Đ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo S 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

[3.3] Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo H2 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H3 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo H3 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C1 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo C1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Bùi Văn H, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị C1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hà Duy C không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 17/6/2020./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Bình**